TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:147/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 287/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Hoàng Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: 3 khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: 3 khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu, bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Việc kết hôn của bà T và ông H là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Cuộc sống vợ chồng ngày càng ngột ngạt, dẫn đến bà T không còn tình cảm với ông H. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Phương L, sinh ngày 25/11/2004, Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 10/6/2009 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 07/12/2019. Bà Thương yêu c trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng K, không yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con. Bà T đồng ý giao con chung Nguyễn Hoàng Phúc cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và bà không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Hoàng Phương L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Hoàng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn H*: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông H có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông H không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông H tham gia hòa giải vào ngày 24/8/2023 nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông H tham gia phiên tòa vào ngày 11/9/2023, ngày 28/9/2023 nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông H được xem xét trên cơ sở chứng cứ do bà T cung cấp.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông H* do Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiến hành ngày 01/8/2023, Hội Liên hiệp phụ nữ phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin như sau: bà Hoàng Thị T không phải là thành viên hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Toà án, bà T không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở; Hội Liên hiệp phụ nữ phường T cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội liên hiệp phụ nữ phường không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông H, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh về mâu thuẫn giữa hai người, do đó không biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 11/9/2023 và ngày 28/9/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Hoàng Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 149 quyển số 01 ngày 17/11/2003 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, bà T xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng ngày càng ngột ngạt, dẫn đến bà T không còn tình cảm với ông H. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập ông H đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông H được. Căn cứ vào lời khai của bà T xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông H mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 việc bà Hoàng Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Phương L, sinh ngày 25/11/2004, Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 10/6/2009 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 07/12/2019. Bà Thương yêu c được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng K. Bà T đồng ý giao con chung Nguyễn Hoàng Phúc cho ông H là người trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Xét thấy, cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 07/12/2019 hiện nay còn nhỏ. Trong thời gian trước đây và hiện nay, cháu K được bà T nuôi dưỡng vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt nên việc giao cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Đối với cháu P, bà T đồng ý giao cháu P cho ông H Trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H không có ý kiến gì về việc từ chối nhận nuôi con. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu P, trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu mong muốn sống cùng với bố. Nguyện vọng này phù hợp với yêu cầu của bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu P cho ông H Trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Cháu Nguyễn Hoàng Phương L đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về mức cấp dưỡng: bà T không yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K, đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà T không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu P. Ông H không có yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Bà T và ông H mỗi người có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng 01 con, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét buộc bà T phải cấp dưỡng nuôi cháu P. Trường hợp ông H yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con thì có quyền hởi kiện bằng vụ án khác.

[8] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Hoàng Thị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[9] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 19 và các Điều: 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H (theo giấy chứng nhận kết hôn số 149 quyển số 01 ngày 17/11/2003 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa).

- Về con chung: ông Nguyễn Văn H giao con chung Nguyễn Hoàng Khang, sinh ngày 07/12/2019 cho bà Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Hoàng Thị T giao con chung Nguyễn Hoàng Phúc, sinh ngày 10/6/2009 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Cháu Nguyễn Hoàng Phương L đã trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Văn H không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Văn H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Hoàng Thị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006660 ngày 10/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hiền